

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 42

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người đại diện theo pháp luật
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HELIO
ENERGY
Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13664222/E-68672455

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

175c
TY
AN
JO
IG
HI





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Handwritten signature

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7809 Quyển số: 03/2020 -SCT/BS

Ngày: 19-10-2026

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.924.504.091	29.462.754.568
110	I. Tiền	5	979.321.266	14.224.667.716
111	1. Tiền		979.321.266	14.224.667.716
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.217.620.854	14.578.611.523
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	4.539.871.369	13.056.248.522
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		637.088.353	1.492.428.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		52.916.488	29.935.001
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(12.253.356)	-
140	III. Hàng tồn kho		33.010.909	150.025.270
141	1. Hàng tồn kho		33.010.909	150.025.270
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.694.551.062	509.450.059
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.694.551.062	509.450.059
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		257.563.743.014	223.921.595.374
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		740.000.000	830.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		740.000.000	830.000.000
220	II. Tài sản cố định		32.377.593.588	36.544.174.872
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	32.377.593.588	36.544.174.872
222	Nguyên giá		53.073.074.935	53.073.074.935
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(20.695.481.347)	(16.528.900.063)
230	III. Bất động sản đầu tư	9	1.588.555.441	1.747.410.985
231	1. Nguyên giá		2.382.833.161	2.382.833.161
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(794.277.720)	(635.422.176)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10	220.706.636.468	183.929.800.801
251	1. Đầu tư vào công ty con		174.768.000.000	184.805.500.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.000.000.000	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(61.363.532)	(875.699.199)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.150.957.517	870.208.716
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	2.047.027.705	870.208.716
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		103.929.812	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		265.488.247.105	253.384.349.942

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.069.243.344	31.949.173.440
310	I. Nợ ngắn hạn		15.389.243.344	10.429.173.440
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.736.956.155	256.060.942
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	948.734.515	1.577.458.264
314	3. Phải trả người lao động		1.027.067.747	389.500.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.796.436.726	2.507.960.527
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		69.750.000	73.250.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	2.700.000.000	-
320	7. Vay ngắn hạn	15	5.840.000.000	5.390.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	14	1.270.298.201	234.943.707
330	II. Nợ dài hạn		15.680.000.000	21.520.000.000
338	1. Vay dài hạn	15	15.680.000.000	21.520.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		234.419.003.761	221.435.176.502
410	I. Vốn cổ phần	16	234.419.003.761	221.435.176.502
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.419.003.761	11.435.176.502
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		9.748.875.624	6.487.926.830
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		14.670.128.137	4.947.249.672
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		265.488.247.105	253.384.349.942



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

UNG
M
CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm này	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	33.306.114.754	33.677.752.790
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	17.1	33.306.114.754	33.677.752.790
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	21.797.845.327	20.725.105.541
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		11.508.269.427	12.952.647.249
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	12.777.148.430	231.205.583
22	7. Chi phí tài chính	19	1.112.209.750	1.105.463.320
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.906.545.417	2.428.821.967
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.774.394.785	6.166.407.310
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		15.398.813.322	5.911.982.202
31	11. Thu nhập khác		38.785.510	134.063.099
32	12. Chi phí khác		162.746.894	14.879.959
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(123.961.384)	119.183.140
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		15.274.851.938	6.031.165.342
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	604.723.801	1.083.915.670
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		14.670.128.137	4.947.249.672



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		15.274.851.938	6.031.165.342
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	8,9	4.325.436.828	4.325.436.828
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(802.082.311)	(1.323.694.647)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.777.148.430)	(230.372.009)
06	Chi phí lãi vay	19	1.906.545.417	2.428.621.967
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.927.603.442	11.231.357.481
09	Giảm các khoản phải thu		9.438.737.313	10.368.884.295
10	Giảm hàng tồn kho		13.084.549	387.069.911
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		3.309.135.553	(2.548.604.753)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.361.919.992)	128.799.006
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.912.720.075)	(2.432.580.871)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(1.083.915.670)	(846.844.271)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(570.938.081)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.330.005.120	15.717.142.717
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(46.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.814.648.430	230.372.009
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(23.185.351.570)	230.372.009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền trả nợ gốc vay		(5.390.000.000)	(5.080.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(5.390.000.000)	(5.080.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(13.245.346.450)	10.867.514.726
60	Tiền đầu năm		14.224.667.716	3.357.152.990
70	Tiền cuối năm	5	979.321.266	14.224.667.716



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Phan Phan Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

3008
CÔ
T
RNST
VIỆ
NH PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 47 người (ngày 1 tháng 1 năm 2025 là 40 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Thuận Nam, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Khál, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Khál, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 18 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đền bù lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và khách hàng và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty chắc chắn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1. Thoái vốn toàn bộ trong Công ty TNHH Apollo Power 2, công ty con

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Apollo Power 2 cho một cá nhân với giá 11.000.000.000 VND, qua đó, Công ty TNHH Apollo Power 2 không còn là công ty con của Công ty từ ngày này.

4.2. Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha

Theo Nghị quyết số 09.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc đầu tư góp vốn 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha ("Công ty Alpha"). Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn thành lập vào ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Công ty Alpha là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2025. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Alpha là kinh doanh Tái Bảo Hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	42.426.000	222.611.000
Tiền gửi ngân hàng	936.895.266	14.002.056.716
TỔNG CỘNG	979.321.266	14.224.667.716

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	2.868.031.369	7.068.728.522
- Công ty Điện lực Lâm Đồng	270.275.567	157.958.981
- Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền nam TNHH	197.481.228	163.070.424
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương	209.409.378	159.738.091
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Vũng Tàu	145.323.608	133.881.026
- Khác	2.045.541.588	6.454.080.000
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	1.671.840.000	5.987.520.000
TỔNG CỘNG	4.539.871.369	13.056.248.522
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	(12.253.356)	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	758.639.459	48.655.915
Chi phí sửa chữa mái	482.960.932	-
Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu	315.000.000	315.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	137.950.671	145.794.144
TỔNG CỘNG	1.694.551.062	509.450.059
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	516.657.160	848.419.492
Sửa chữa và cải tạo văn phòng	1.338.442.533	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	191.928.012	21.789.224
TỔNG CỘNG	2.047.027.705	870.208.716

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện truyền dẫn	Tám pin mặt trời	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá:						
Số đầu năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Số cuối năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	61.269.804	6.575.551.262	50.093.537	2.227.404.045	7.614.581.415	16.528.900.063
- Khấu hao trong năm	15.271.800	1.644.641.364	34.067.268	574.184.472	1.898.416.380	4.166.581.284
Số cuối năm	76.541.604	8.220.192.626	84.160.805	2.801.588.517	9.512.997.795	20.695.481.347
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	167.807.236	12.023.176.338	52.108.281	3.439.418.537	20.861.664.480	36.544.174.872
Số cuối năm	152.535.436	10.378.534.974	18.041.013	2.865.234.065	18.963.248.100	32.377.593.588

Công ty đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tám pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tám pin và một số tài sản khác) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa, vật kiến trúc

Nguyên giá:	
Số đầu năm	2.382.833.161
Số cuối năm	2.382.833.161
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	635.422.176
- Khấu hao trong năm	158.855.544
Số cuối năm	794.277.720
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	1.747.410.985
Số cuối năm	1.588.555.441

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Apollo Power 2	-	-	10.037.500.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	-	10.095.000.000	(184.581.547)
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(61.363.532)	10.100.000.000	(472.563.844)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(113.691.902)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(104.861.906)
TỔNG CỘNG	174.768.000.000	(61.363.532)	184.805.500.000	(875.699.199)

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND			
	Giá gốc	Số cuối năm Dự phòng	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Tài bảo hiểm Alpha (i)	46.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	46.000.000.000	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(i) Trong năm, Công ty đã góp vốn đầu tư 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tài bảo hiểm Alpha.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần S- Home Việt Nam	945.517.936	945.517.936	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Lk	494.515.200	494.515.200	-	-
Công ty Cổ phần Amber Capital	-	-	168.687.750	168.687.750
Phải trả đối tượng khác	296.923.019	296.923.019	87.373.192	87.373.192
TỔNG CỘNG	1.736.956.155	1.736.956.155	256.060.942	256.060.942

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	364.438.238	1.266.253.491	1.369.693.568	260.998.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.083.915.670	604.723.801	1.083.915.670	604.723.801
Thuế thu nhập cá nhân	129.104.356	558.337.317	604.429.120	83.012.553
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.577.458.264	2.436.314.609	3.065.038.358	948.734.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.499.367.548	1.943.292.449
Chi phí lãi vay	17.069.178	23.243.836
Các khoản trích trước khác	280.000.000	541.424.242
TỔNG CỘNG	1.796.436.726	2.507.960.527

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	234.943.707	-
Trích lập trong năm	1.686.300.878	805.881.788
Sử dụng trong năm	(650.946.384)	(570.938.081)
Số cuối năm	1.270.298.201	234.943.707

02-C
TY
A
YOUN
NAM
Ổ CHỮ

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính cùng ngày

15. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Phân loại lại theo lịch trả nợ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	5.390.000.000		-	5.390.000.000		-	5.840.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	5.390.000.000		-	5.390.000.000		-	5.840.000.000	
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng và công ty tài chính	21.520.000.000		-	-		5.840.000.000	15.680.000.000	
	21.520.000.000		-	-		5.840.000.000	15.680.000.000	
TỔNG CỘNG	26.910.000.000		-	5.390.000.000		5.840.000.000	21.520.000.000	



Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	17.550.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029.	7,1% - 7,9%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Heliq Power – công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (tên cũ là Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực)	3.970.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027.	8,8%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.

TỔNG CỘNG

21.520.000.000

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

Vay dài hạn

5.840.000.000

15.680.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Năm trước</i>			
Số đầu năm	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.947.249.672	4.947.249.672
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số cuối năm	<u>210.000.000.000</u>	<u>11.435.176.502</u>	<u>221.435.176.502</u>
<i>Năm nay</i>			
Số đầu năm	210.000.000.000	11.435.176.502	221.435.176.502
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	14.670.128.137	14.670.128.137
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.686.300.878)	(1.686.300.878)
Số cuối năm	<u>210.000.000.000</u>	<u>24.419.003.761</u>	<u>234.419.003.761</u>

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HĐ/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

16.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thưởng	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thưởng
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	<u>210.000.000.000</u>	<u>21.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>	<u>21.000.000</u>

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số cổ phần</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	33.306.114.754	33.677.752.790
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	23.708.330.280	23.764.045.720
Doanh thu bán điện	9.408.284.474	9.800.957.070
Doanh thu cho thuê	189.500.000	112.750.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	33.306.114.754	33.677.752.790
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	22.121.564.754	19.208.390.970
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	11.184.550.000	14.469.361.820

17.2 Doanh thu tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.800.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	962.500.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	14.648.430	231.205.583
TỔNG CỘNG	12.777.148.430	231.205.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	15.147.102.608	14.564.963.972
Giá vốn bán điện	6.470.670.299	5.969.172.836
Giá vốn cho thuê	180.072.420	190.968.733
TỔNG CỘNG	21.797.845.327	20.725.105.541

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.906.545.417	2.428.821.967
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(814.335.667)	(1.323.894.647)
Chi phí tài chính khác	20.000.000	336.000
TỔNG CỘNG	1.112.209.750	1.105.463.320

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.786.670.531	2.221.884.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.067.268	34.067.268
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	12.253.356	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.901.835.698	3.803.208.758
Chi phí khác	39.567.932	107.246.518
TỔNG CỘNG	7.774.394.785	6.166.407.310

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	11.429.447.658	9.087.323.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.325.436.828	4.325.436.828
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	12.253.356	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.725.309.571	12.889.414.594
Chi phí khác	79.792.699	201.776.038
TỔNG CỘNG	29.572.240.112	26.503.950.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty được quy định theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ("Luật số 67") do Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Theo đó, thuế suất TNDN cho Công ty là 17% lợi nhuận chịu thuế (năm 2024: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	604.723.801	1.083.915.670
TỔNG CỘNG	604.723.801	1.083.915.670

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.274.851.938	6.031.165.342
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận		
Chi phí không được trừ	82.346.894	109.879.959
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(11.800.000.000)	-
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm	-	(721.466.951)
Lợi nhuận chịu thuế theo thuế suất 20%	-	5.419.578.350
Lợi nhuận chịu thuế theo thuế suất 17%	3.557.198.832	-
Chi phí thuế TNDN	604.723.801	1.083.915.670

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty TNHH Apollo Power 4
 Công ty TNHH Ampire Power 4
 Công ty TNHH Omega Power 3
 Công ty TNHH Helio Bình Thuận
 Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt
 Công ty TNHH Dahlia Việt Nam
 Công ty TNHH Zon Power Việt Nam
 Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh
 Công ty TNHH KCP Energy
 Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới
 Công ty TNHH New Power Việt Nam
 Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ
 Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh
 Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú
 Công ty TNHH Two Brothers Energy
 Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt
 Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh
 Công ty TNHH Orchid Việt Nam
 Công ty TNHH Solar Việt
 Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới
 Công ty TNHH Sol Power Việt Nam
 Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú
 Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy
 Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam
 Công ty TNHH Carnation Việt Nam
 Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam
 Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng
 Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình
 Công ty TNHH Duy Đình Solar
 Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam
 Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam
 Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam
 Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam
 Công ty TNHH VVT Việt Nam
 Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam
 Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn
 Công ty TNHH NVP Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT")
Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/
Người đại diện quản lý vốn góp của
công ty mẹ
Thành viên độc lập HĐQT
Tổng Giám đốc
Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Kế toán trưởng
Công ty con đến ngày 14 tháng 10 năm
2025

[illegible]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	576.000.000	578.203.600
Công ty TNHH Omega Power 3	432.000.000	432.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	298.725.000	288.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	299.550.000	288.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	299.825.000	288.000.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	299.825.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	300.650.000	288.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	300.925.000	288.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	301.200.000	288.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	300.925.000	288.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	300.375.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	300.100.000	288.000.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	298.450.000	288.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	108.000.000	146.422.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	144.000.000	144.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	-	420.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	217.238.740
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	217.238.740
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	218.258.740
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
TỔNG CỘNG	11.184.550.000	14.469.361.820

CHÍNH SÁCH
UNG
M
CHÍNH SÁCH

123
SỞ
CHI
TH
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:
(tiếp theo)

		Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Năm nay	Năm trước	
Mua hàng và sử dụng hàng hóa			
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	467.883.870	
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	2.455.800	
TỔNG CỘNG	-	470.339.670	
Lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	1.050.000.000	-	
Công ty TNHH Two Brother Energy	900.000.000	-	
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	900.000.000	-	
Công ty TNHH Ampire Power 4	850.000.000	-	
Công ty TNHH KCP Energy	850.000.000	-	
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	850.000.000	-	
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	800.000.000	-	
Công ty TNHH Năng lượng thời đại mới	700.000.000	-	
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	700.000.000	-	
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	650.000.000	-	
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	650.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	550.000.000	-	
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	550.000.000	-	
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	550.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brother	500.000.000	-	
Công ty TNHH Mặt trời đỏ việt	400.000.000	-	
Công ty TNHH New Power Việt Nam	350.000.000	-	
TỔNG CỘNG	11.800.000.000	-	
Tạm ứng phân chia lợi nhuận			
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Hoàng Gia Phú	500.000.000	-	
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	500.000.000	-	
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	500.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	500.000.000	-	
Công ty TNHH Apollo Power 4	400.000.000	-	
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	300.000.000	-	
TỔNG CỘNG	2.700.000.000	-	

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Sở dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 1 tháng 1 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6) - Cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	51.840.000	311.040.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng>NNL Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Omega Power 3	38.880.000	233.280.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Solar Việt	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH KCP Energy	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	Không còn là bên liên quan	77.760.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	25.920.000	77.760.000
TỔNG CỘNG	1.671.840.000	5.987.520.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác ngắn hạn (Mã số 319) – Phải trả liên quan đến tạm ứng phân chia lợi nhuận		
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Hoàng Gia Phú	500.000.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	500.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	500.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	400.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	300.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.700.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	240.000.000	257.500.000
Bà Nguyễn Thị Lan	-	35.000.000
Ông Phan Thành Đạt	120.000.000	102.500.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	60.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban		
Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	2.340.878.062	1.740.285.998
Ông Phan Thành Đạt	-	223.789.739
Ông Bùi Tuấn Dương	850.641.600	615.129.900
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	909.658.000	629.605.667
Bà Lê Thị Trang	580.578.462	271.760.692
Thù lao Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG	2.712.878.062	2.129.785.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- » Bộ phận sản xuất điện;
- » Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- » Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.



Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động khác
	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Doanh thu		
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.408.284.474	23.708.330.280
Tổng doanh thu	9.408.284.474	23.708.330.280
Kết quả		
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	2.937.614.175	8.561.227.672
Thu nhập (chi phí) không phân bổ (i)		
Lợi nhuận thuần trước thuế		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Lợi nhuận thuần sau thuế		
Các thông tin bộ phận khác		
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ		
Chi phí trả trước dài hạn	4.549.579.565	158.855.544
		4.708.435.109
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Tài sản và công nợ		
Tài sản bộ phận	212.185.239.325	4.342.214.585
Tài sản không phân bổ (ii)		
Tổng tài sản	114.041.302	2.021.882.748
Công nợ bộ phận		
Công nợ không phân bổ (iii)		
Tổng công nợ		356.819.178
		218.116.009.351
		47.372.237.754
		265.488.247.105
		2.492.743.228
		28.576.500.116
		31.069.243.344

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

	Hoạt động sản xuất điện			Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						Tổng cộng
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.800.957.070			23.764.045.720	112.750.000	33.877.752.790
Tổng doanh thu	9.800.957.070			23.764.045.720	112.750.000	33.877.752.790
Kết quả						
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	3.831.784.234			9.199.081.748	(78.218.733)	12.952.647.249
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)						(6.921.481.907)
Lợi nhuận thuần trước thuế						6.031.165.342
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(1.083.915.670)
Lợi nhuận thuần sau thuế						4.947.249.672
Các thông tin bộ phận khác						
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.500.805.593			-	158.855.544	4.659.661.137
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận						238.699.747.225
Tài sản không phân bổ (ii)	223.018.308.240			13.934.028.000	1.747.410.985	14.684.602.717
Tổng tài sản						253.384.349.942
Công nợ bộ phận						2.071.252.680
Công nợ không phân bổ (iii)	54.710.231			1.943.292.449	73.250.000	29.877.920.760
Tổng công nợ						31.949.173.440

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.995.497.471	3.094.383.427
Từ 1 – 5 năm	9.190.862.625	5.946.788.826
Trên 5 năm	7.342.000.089	8.907.925.582
TỔNG CỘNG	19.528.360.185	17.949.097.835

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	169.090.909	186.000.000
Từ 1 – 5 năm	169.090.909	480.500.000
TỔNG CỘNG	338.181.818	666.500.000

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để nhận chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

3811
ÔNG
TNH
T &
ETI
CƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 04/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Helio Energy với tổng số 21.000.000 cổ phiếu chào bán, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 16 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 2044/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty, theo đó, Công ty đã thực hiện phân phối 21.000.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số lượng cổ phiếu chào bán.

Theo Nghị quyết số 05/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành. Công ty đã hoàn thành giao dịch nhận chuyển nhượng vào ngày 16 tháng 3 năm 2026 với tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần SD Trường Thành là 59,32% vốn điều lệ.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



2026-03-18
T.Đ
HÀ NỘI
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HELIO
ENERGY
CHUYÊN NGHIỆP
CHUYÊN NGHIỆP